UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Bình, ngày .... tháng 9 năm 2024*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kế toán ngân hàng (Accounting of bank)

- Mã số học phần: KTKTNH.038

- Số tín chỉ: 03

Số giờ tín chỉ: 45 *(Lý thuyết:45, bài tập: 0, Thảo luận: 0)*

- Ngành học: Đại học kế toán

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Kế toán

- Giảng viên phụ trách chính: Phan Thị Quỳnh Trang

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

**2. Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý kế toán, Lý thuyết tài chính tiền tệ.

**3. Mục tiêu của học phần:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã MT** | **Nội dung mục tiêu** |
| MT1 | Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về các hoạt động kế toán trong ngân hàng thương mại, bao gồm hoạt động ngân quỹ, hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán, hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động thanh toán qua ngân hàng. |
| MT2 | Về kỹ năng: Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng, hiểu và vận dụng pháp luật kế toán hiện hành dành cho ngân hàng thương mại. |
| MT3 | Về thái độ (Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm): Sinh viên có thái độ tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức, nghiên cứu chế độ và các tài liệu tham khảo để có thể giải quyết các tình huống lý thuyết và bài tập đặt ra, đồng thời chủ động thảo luận, trình bày trên lớp trên cơ sở tự liên hệ các tình huống thực tiễn. |

**4. Chuẩn đầu ra học phần:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
|  | **Về kiến thức** |
| CĐR1 | Hiểu biết những kiến thức chuyên sâu về kế toán ngân hàng. |
| CĐR2 | Triển khai thực hiện được công tác kế toán ngân hàng. |
| CĐR3 | Nhận dạng, phân tích, xử lý tốt các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán ngân hàng của tổ chức. |
|  | **Về kỹ năng** |
| CĐR4 | Sử dụng thông thạo các công cụ CNTT, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp |
| CĐR5 | Có kỹ năng vận dụng linh hoạt kiến thức kế toán ngân hàng vào tổ chức, vào các tình huống cụ thể. |
| CĐR6 | Có năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp: Có khả năng tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn; Có khả năng tổ chức thực hiện các công việc kế toán phù hợp với đặc thù của tổ chức và đáp ứng yêu cầu của quản lý. |
|  | **Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)** |
| CĐR7 | Chăm chỉ, nhiệt tình, cẩn thận, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn. |
| CĐR8 | Có trách nhiệm với công việc, với xã hội; có tinh thần học hỏi, cầu tiến, chuyên nghiệp trong công việc. Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. |
| CĐR9 | Nhận thức được giá trị văn hóa doanh nghiệp, có thái độ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp. |
| CĐR10 | Chấp hành tốt pháp luật của Nhà Nước, quy chế của doanh nghiệp, cơ quan. |

**5. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần nhằm trang bị kiến thức tổng quan về kế toán ngân hàng; Hoạt động ngân quỹ; Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán; Hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng; Hoạt động thanh toán qua ngân hàng.

**6. Nội dung chi tiết học phần:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** |
| **Chương 1** | NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG |
| 1.1. | Đối tượng và đặc điểm đối tượng kế toán ngân hàng |
| 1.2. | Mục tiêu kế toán ngân hàng |
| 1.3. | Đặc điểm kế toán ngân hàng |
| 1.4. | Chứng từ kế toán ngân hàng |
| 1.5. | Hệ thống tài khoản |
| **Chương 2** | KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ NGÂN QUỸ |
| 2.1. | Một số lý thuyết về kế toán nghiệp vụ ngân quỹ trong Ngân hàng thương mại |
| 2.2. | Các tài khoản sử dụng chủ yếu trong nghiệp vụ ngân quỹ |
| 2.3. | Các trường hợp hạch toán chủ yếu đối với nghiệp vụ ngân quỹ |
| **Chương 3** | KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN |
| 3.1. | Một số vấn đề về nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán |
| 3.2. | Tài khoản sử dụng và các trường hợp hạch toán chủ yếu đối với chứng khoán kinh doanh |
| 3.3. | Tài khoản sử dụng và các trường hợp hạch toán chủ yếu đối với chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán |
| 3.4. | Tài khoản sử dụng và các trường hợp hạch toán chủ yếu đối với chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn |
| **Chương 4** | KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN |
| 4.1. | Ý nghĩa nhiệm vụ kế toán huy động vốn |
| 4.2. | Kế toán huy động vốn bằng tiền gửi |
| 4.3. | Kế toán phát hành giấy tờ có giá |
| **Chương 5** | KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ CHO VAY |
| 5.1. | Khái quát chung về nghiệp vụ cho vay |
| 5.2. | Kế toán nghiệp vụ cho vay |
| **Chương 6** | KẾ TOÁN CÁC HÌNH THỨC THANH TOÁN TRONG NƯỚC QUA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI |
| 6.1. | Một số vấn đề chung về thanh toán qua ngân hàng |
| 6.2. | Kế toán hình thức thanh toán ủy nhiệm chi/lệnh chi |
| 6.3. | Kế toán hình thức chuyển tiền khác ngân hàng |
| 6.4. | Kế toán hình thức séc chuyển khoản |
| 6.5. | Kế toán hình thức séc tiền mặt |
| 6.6. | Kế toán hình thức séc bảo chi |
| 6.7. | Kế toán hình thức ủy nhiệm thu/nhờ thu |

**7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương | Tên các bài trong môn học  (theo nội dung công việc) | Số tiết tín chỉ | | | | | |
| Tổng | Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành | Khác |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về kế toán ngân hàng | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Kế toán nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Kế toán nghiệp vụ huy động vốn | 13 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Kế toán nghiệp vụ cho vay | 13 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Kế toán các hình thức thanh toán trong nước qua hệ thống ngân hàng thương mại. | 7 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6 | CĐR7 | CĐR8 | CĐR9 | CĐR10 |
| 1 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 5 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 6 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

**8. Phương pháp giảng dạy**

- Thuyết trình

- Giải quyết vấn đề

- Đàm thoại gợi mở

- Phỏng vấn, phát huy tính tích cực và sáng tạo

- Phương pháp bài tập về nhà và báo cáo tại lớp

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Về kiến thức:

Sinh viên tham dự đầy đủ các buổi lên lớp theo quy chế, sinh viên tiếp thu bài giảng tại giảng đường, nắm được những kiến thức cơ bản của nội dung chương trình, giảng viên hướng dẫn làm bài tập mẫu ở lớp. Tham dự đầy đủ các buổi thực hành tại phòng máy tính.

Điều kiện dự thi: Sinh viên tham dự 60% số tiết lên lớp.

- Về các điều kiện khác:

Trên cơ sở bài giảng của giảng viên, sinh viên phải đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo để làm các bài tập, thực hành theo yêu cầu của giảng viên. Để tiếp thu kiến thức một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

**10. Tài liệu phục vụ cho học phần**

***10.1. Tài liệu bắt buộc***

1. Nguyễn Thị Thanh Nga (2017), Bài giảng Kế toán ngân hàng, Trường Đại học Quảng Bình (lưu hành nội bộ).
2. Nguyễn Thị Loan (2011), Kế toán ngân hàng, NXB Phương Đông.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[3] Nguyễn Thị Loan và các cộng sự (2012), Bài tập và bài giải kế toán ngân hàng, NXB Phương Đông.

[4] Tô Kim Ngọc và các cộng sự (2012), Giáo trình tiền tệ ngân hàng, Học viện ngân hàng.

**11. Thang điểm đánh giá**

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Thông tư hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chuyên cần, thái độ | Kiểm tra thường xuyên | | | Thi kết thúc học phần |
| TC1 | TC2 | TC3 |
| Trọng số (%) | 5 % | 35 % | | | 60 % |

**12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các chỉ tiêu đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Trọng số** |
| 1 | *Chuyên cần, thái độ*  - Tham gia trên lớp  - Chuẩn bị bài  - Tích cực thảo luận | - Điểm danh  - Hỏi - đáp  - Theo dõi | 5% |
| 2 | *Kiểm tra thường xuyên*  - Nội dung 1: Kế toán nghiệp vụ huy động vốn  - Nội dung 2: Kế toán nghiệp vụ cho vay  - Nội dung 3: Kế toán các hình thức thanh toán | Chấm bài kiểm tra | 35% |
| 3 | *Thi kết thúc học phần* : Viết | Chấm bài thi | 60% |

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6 | CĐR7 | CĐR8 | CĐR9 | CĐR10 |
| Điểm danh |  |  |  |  | x | x | x | x | x | x |
| Hỏi - đáp | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Theo dõi | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Làm bài kiểm tra thường xuyên | x | x | x |  |  |  | x | x | x | x |
| Bài thi kết thúc học phần | x | x | x |  |  |  | x | x | x | x |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **HIỆU TRƯỞNG** |